



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 2095/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/07/2025 Trang/ Page: 1/3
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU THUẬN LỢI - CHI NHÁNH LONG AN	
2. Địa chỉ kiểm định: <i>Place of testing:</i>	Lô F8, F9, F10, F11, F12 Đường Hải Sơn - Tân Đô Và Đường Số 5, KCN Tân Đô, Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh.	
3. Đối tượng kiểm định: <i>Type of testing:</i>	Recloser	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Thiết bị/ Recloser Trụ "T30/10 Nr ĐS 8 TÂN ĐÔ" <i>01 Equipments / Recloser Pole "T30/10 Nr ĐS 8 TAN DO"</i>	
5. Phương pháp kiểm định: <i>Method of testing:</i>	ETSC/TN/QT22; TCVN 6592-2:2009; Tài liệu kỹ thuật nhà SX	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	13/07/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Kiểu máy cắt/ <i>Type:</i>	U27-ACR-SOLID-27-12-125
	Số chế tạo/ <i>Serial No:</i>	488806
	Điện áp định mức/ <i>Rated voltage:</i>	27kV
	Dòng điện định mức/ <i>Rated current:</i>	630 A
	Dòng cắt định mức/ <i>Rated cutting current:</i>	12,5 kA
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	08-2016
	Nhà chế tạo/ <i>Manufacture:</i>	SCHNEIDER
8. Phương tiện kiểm định: <i>Testing equipment:</i>	Kyoritsu 3125A; HLY-200C; HZC-3980; Fluke 287C; Fluke 355; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ	
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	$(32 \pm 2)^{\circ}\text{C}$; $(60 \pm 5)\% \text{ RH}$	
10. Kết quả kiểm định: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>	
11. Tem kiểm định: <i>Testing stamp No:</i>	1477/25/ETSC	
12. Kết luận: <i>Conclusion</i>	- Recloser nêu trên đạt yêu cầu vận hành/ <i>Air circuit breaker Pass.</i> - Nguồn cấp điện dự phòng không tồn tại/ Backup power supply is not available	
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: <i>Recommended next testing period:</i>	07/2026	

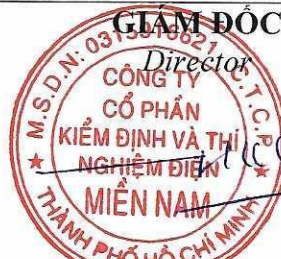
Người Thực Hiện

Executor

Nguyễn Hoàng Thiện

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Quốc Hoàn



TN/QT-11/M1

Ban hành lần 2



Số/ No. 2095/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/07/2025 Trang/ Page: 2/3
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1/ Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition:

Stt No	Đối tượng kiểm tra Check object	Kết quả Result	Đánh giá Evaluate
1	Bề mặt cách điện/ Insulation surface	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
2	Cấu trúc thiết bị/ Structural member	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
3	Buồng dập hồ quang/ Interrupter	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
4	Đầu nối nhị thứ/ Secondary wiring	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
5	Con lăn/ Roler	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
6	Cờ chỉ thị/ Indicating flag	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
7	Các cuộn dây vận hành/ Operating coils	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
8	Tiếp địa giá đỡ/ Grounding rack	Không bình thường/ Abnormal	Không đạt/ Failed
9	Bộ truyền động/ Mechanical structure	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
10	Bầu chân không/ Vacuum gourd	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
11	Vệ sinh & bôi trơn/ Clean & lubrication	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass

10.2/ Điện trở cách điện/ Insulation Resistance Measurement (M Ω):

Đối tượng đo Testing object	Trạng thái máy cắt CB status	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Giá trị đo (M Ω) Measured value	Tiêu chuẩn (M Ω) Standard value	Đánh giá Remark
Phase A - Σ + E	Đóng/ Close	5.000	> 10.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass
Phase B - Σ + E		5.000	> 10.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass
Phase C - Σ + E		5.000	> 10.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass
A1 - A2	Mở/ Open	5.000	> 10.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass
B1 - B2		5.000	> 10.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass
C1 - C2		5.000	> 10.000	≥ 1.000	Đạt/ Pass

10.3/ Đo điện trở tiếp xúc/ Resistance measurement

Đối tượng đo Testing object	Dòng thử (ADC) Testing current	Giá trị đo ($\mu\Omega$) Measured value	Tiêu chuẩn ($\mu\Omega$) Standard value	Đánh giá Remark
Phase A	100	42,8	Rtx $\leq$ 50	Đạt/ Pass
Phase B	100	45,9		Đạt/ Pass
Phase C	100	43,3		Đạt/ Pass

Số/ No: 2095/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 14/07/2025 Trang/ Page: 3/3
---------------------------	--	--

10.4/ Đo thời gian đóng cắt/ Operating time measurement

Trạng thái máy cắt <i>CB status</i>	Đo thời gian <i>Time measurement (ms)</i>		
	Phase A	Phase B	Phase C
Đóng/ Close	60,2	60,1	60,2
Mở/ Open	62,8	62,7	62,8

10.5/ Đo thời gian đóng cắt/ Operating time measurement

Đối tượng đo <i>Testing object</i>	Đo thời gian <i>Time measurement (ms)</i>		
	Cắt/ Open	Đóng/ Close	Cắt/ Open
Phase A	63,5	129,0	189,2
Phase B	63,6	129,2	189,4
Phase C	63,7	128,6	190,6

10.6/ Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng đo <i>The object of measurement</i>	Điện áp thử nghiệm <i>The voltage of testing</i>	Thời gian thử nghiệm <i>The time of testing</i>	Kết quả đo <i>Measurement results</i>
A – (B + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass

10.7/ Thao tác 05 lần các chu trình làm việc C-O; O-C; O-0,3s-CO/ Operation 05 times of working cycle C-O, O-C; O-0,3s-CO: Bình thường/ Normal.